

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 30/2022/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V. Trụ sở: Số 89, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Hoàng Mạnh T.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T. Địa chỉ: Số nhà 21, TT19 khu đô thị V, phường P, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Chị Ngô Thị O, sinh năm 1976.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Ngô Thị O, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 105, phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Ngày 20.06.2018, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kinh Đô và Công ty TNHH T (gọi tắt Công ty T) có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 190618-4069371-01-SME và phụ lục hợp đồng với nội dung cụ thể như sau: Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh ô tô (chi tiết: ô tô dưới 9 chỗ ngồi).

Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Do Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vốn vay và mức tín dụng của Bên đi vay và được quy định trong Hợp đồng nhận nợ hoặc các văn bản liên quan ký giữa Bên vay và ngân hàng. Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng lãi suất 150% đối với khoản vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả đối với lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số tiền vay, số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để thực hiện Hợp đồng, các bên đã ký 06 khế ước nhận nợ. Cụ thể như sau:

1. Khế ước nhận nợ số: 220119-4069371-01-SME ngày 22/01/2019: Số tiền nhận nợ: 400.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ 22/01/2019 đến 22/01/2020; Lãi suất vay có kỳ hạn tại thời điểm giải ngân: 16,4%/năm. Lãi suất này sẽ cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khi kết thúc kỳ hạn 1 tháng, lãi suất khoản vay sẽ được điều chỉnh mỗi tháng một lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 22 tháng 02 năm 2019. Việc điều chỉnh lãi suất được xác định theo lãi suất bán vốn của Ngân hàng do Hội sở chính Ngân hàng áp dụng cho các khoản giải ngân có kỳ hạn 12 tháng và kỳ hạn điều chỉnh lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh, cộng (+) biên độ 8,5%/năm.

2. Khế ước nhận nợ số: 250219-4069371-01-SME ngày 25/02/2019: Số nợ: 400.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ 25/02/2019 đến 25/02/2020; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/03/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh định kỳ cộng (+) biên độ 8,5 %/năm, lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,5%/năm.

3. Khế ước nhận nợ số: 220319-0069371-01-SME ngày 22/03/2019: Số tiền nhận nợ: 509.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 22/03/2019 đến ngày 22/03/2020; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,9 %/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều

chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 22/04/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bản vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9 %/năm.

4. Khế ước nhận nợ số: 250419-4069371-01-SME ngày 25/04/2019: Số tiền nhận nợ: 509.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 25/04/2019 đến ngày 25/04/2020; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,6 %/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/05/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bản vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9%/năm.

5. Khế ước nhận nợ số: 210519-4069371-01-SME ngày 21/05/2019: Số tiền nhận nợ: 551,000,000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 21/05/2019 đến ngày 21/05/2020; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 16,6 %/năm.

6. Khế ước nhận nợ số: 200619-4069371-01-SME ngày 20/6/2019: Số nợ: 597.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng, từ ngày 20/6/2019 đến ngày 20/6/2020; Lãi suất vay trong hạn: 16,6%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo cách sau: cứ 01 tháng một lần được điều chỉnh lãi suất. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20 tháng 7 năm 2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bản vốn của Ngân hàng áp dụng cho các khoản vay có thời hạn 12 tháng và thời hạn điều chỉnh lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) với biên độ 9%/năm.

* Ngày 11/09/2019, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kinh Đô và Công ty TNHH T cho vay hạn mức số 240819-4069371-01-SME ngày 11/09/2019.

Hạn mức cho vay: 2.800.000.000đ.

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán xe ô tô du lịch dưới 9 chỗ.

Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất; Do Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vốn vay và mức tín dụng của Bên đi vay và được quy định trong (các) Thỏa thuận nhận nợ và/hoặc các tài liệu liên quan được ký giữa Bên vay và Ngân hàng.

Giữa ngân hàng và công ty T đã kí Khế ước nhận nợ số: 130919-4069371-01-SME ngày 13/09/2019:

Số tiền cho vay: 590.000.000 VNĐ

Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày 13/09/2019 đến ngày 13/03/2020.

Lãi suất vay trong kỳ hạn: 17,5 %/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo cách sau: cứ 01 tháng một lần được điều chỉnh lãi suất. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13 tháng 10 năm 2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất gốc vốn Ngân hàng áp dụng cho các khoản vay có thời hạn 06 tháng và thời hạn điều chỉnh lãi suất là 01 tháng tại thời điểm điều chỉnh (-) biên độ 9%/năm.

* Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản đảm bảo: Hạn mức thẻ: 200.000.000đ

Lãi suất: 24%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều kiện Giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm.

Thời hạn hạn mức thẻ đề nghị: 60 tháng.

Công ty T rút tiền trong thẻ 200.000.000đ.

* Biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Theo các Hợp đồng bảo lãnh số 200618-4069371/HĐBLVPBANK HY ngày 20/06/2018, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HY ngày 11/09/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 120718-4069371-01-SME/HĐBL ngày 12/07/2018: Bên bảo lãnh Bà Ngô Thị O đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty T với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng cho vay hạn mức số 190618 4069371-01-SME ngày 20/06/2018, Hợp đồng cho vay hạn mức số 240819-4069371-01 SME ngày 11/09/2019 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 12/07/2018 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Hải Yến và VBank bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình vay nợ, phía bị đơn đã trả được số tiền là: 1.745.981.789đ trong đó nợ gốc là 1.434.117.034đ, nợ lãi là 311.864.750đ.

Kể từ ngày 30.01.2020, công ty T đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

đối với ngân hàng. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 27.07.2022, Công ty T còn nợ VBank số tiền như sau:

Nợ gốc: 2.321.882.966 đồng

Nợ lãi: 1.594.305.291 đồng.

Tổng cộng: 3.916.188.257 đồng (ba tỉ chín trăm mười sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng).

* Các bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Công ty TNHH T xin trả nợ theo lộ trình trả nợ như sau:

- Chậm nhất vào ngày 30/09/2022 Công ty TNHH T sẽ trả số tiền 30.000.000đ đồng cho Ngân hàng.

- Chậm nhất vào ngày 31/10/2022 Công ty TNHH T sẽ trả số tiền 50.000.000đ đồng cho Ngân hàng.

- Chậm nhất vào ngày 31/11/2022 Công ty TNHH T sẽ trả số tiền 50.000.000đ đồng cho Ngân hàng.

- Chậm nhất vào ngày 31/12/2022 Công ty TNHH T sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn lại.

Trong trường hợp Công ty T thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi theo lộ trình trên, ngân hàng sẽ xem xét miễn giảm một phần lãi cho Công ty T.

Buộc bị đơn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28.07.2022 theo lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho VBank.

Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VBank, đề nghị Tòa án buộc bà Ngô Thị O có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ nêu trên.

* Về án phí:

- Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 55.161.883 đồng.

- Ngân hàng TMCP V được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 49.600.000 đồng (theo biên lai số 0010197 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Diệp Linh